

Số: 1562/TB-BVT

Quảng Ninh, ngày 02 tháng 6 năm 2025

THÔNG BÁO

Về việc yêu cầu báo giá mua sắm vật tư dùng trong nội soi khớp của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp trang thiết bị y tế.

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho mua sắm vật tư dùng trong nội soi khớp với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: *Phó Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh*).

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Đào Thị Thuý – Phụ trách khoa – Phó trưởng khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0981519799;

Hoặc Ông Nguyễn Anh Tuấn - Nhân viên khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. SĐT: 0936821266;

Email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh. (Địa chỉ: *Phó Tuệ Tĩnh, phường Bạch Đằng, TP.Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh*).

- Nhận qua email: kiemsoatnhiemkhuanbvt@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: **Từ 7h30 ngày 03 tháng 6 năm 2025 đến trước 16h30 ngày 16 tháng 6 năm 2025.**

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn của hiệu lực báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày hết hạn nộp báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục mua sắm vật tư dùng trong nội soi khớp, (Chi tiết phụ lục I đính kèm)



2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Địa điểm cung cấp tại Kho vật tư y tế Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn – Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Trong vòng 12 tháng.

4. Các thông tin khác: *Mẫu báo giá chi tiết tại Phụ lục II đính kèm.*

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh trân trọng thông báo ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TT&HCQT (đăng tải lên CTTĐT);
- Lưu: VT, KSNK.



GIÁM ĐỐC



Nguyễn Bá Việt



PHỤ LỤC 1

(Kèm theo Thông báo số 1562/TB - BVT ngày 02 tháng 06 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
Phần I Vật tư tái tạo dây chằng khớp vai				
1	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi khớp vai	Cái	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy. 2.5m ≤ Chiều dài ≤ 5m. Có khóa điều chỉnh dòng chảy. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	70
2	Lưới đốt theo công nghệ cắt đốt bằng sóng Radio trong nội soi khớp vai	Cái	Đầu đốt cong ≤ 90 độ. 13 cm ≤ Chiều dài ≤ 18 cm . Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	70
3	Lưới bảo xương sụn các cỡ trong nội soi khớp vai	Cái	Chiều dài ≥ 130 mm. 3.5mm ≤ Đường kính ≤ 5.5mm. Lưới bảo có dạng răng cưa. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	70
4	Vít chỉ neo đóng sụn viên	Cái	2mm ≤ Đường kính thân neo ≤ 4mm. 10 mm ≤ Chiều dài thân neo ≤ 25 mm. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA(Food and Drug Administration) hoặc CFS(Certificate of Free Sale) Châu Âu.	40
5	Vít chỉ neo đôi may chóp xoay	Cái	1 neo có ≥ 2 sợi chỉ siêu bền. 4.5mm ≤ Đường kính neo ≤ 6.5mm. 15mm ≤ Chiều dài neo ≤ 20 mm. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA(Food and Drug Administration) hoặc CFS(Certificate of Free Sale) Châu Âu.	90
6	Vít neo khớp vai	Cái	4.5mm ≤ Đường kính ≤ 6mm. 11mm ≤ Chiều dài ≤ 21 mm. Đạt tiêu chuẩn CE(Conformite Europeenne) hoặc FDA(Food and Drug Administration) hoặc CFS(Certificate of Free Sale) Châu Âu.	100

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
7	Troca trong nội soi khớp vai	Cái	4.5mm ≤ Đường kính ≤ 8.5mm. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA(Food and Drug Administration) hoặc CFS(Certificate of Free Sale) Châu âu.	5
Phần II	Vật tư tái tạo dây chằng khớp vai tương thích với hệ thống phẫu thuật nội soi khớp hãng Arthrex, Inc			
1	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi khớp vai tương thích với bộ máy bơm và kiểm soát dịch hãng Arthrex	Cái	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy. 2.5m ≤ Chiều dài ≤ 5m. Có khóa điều chỉnh dòng chảy. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu. Tương thích với Bộ máy bơm và kiểm soát dịch Moden máy chính: Synergy CW 4 Arthroscopy Pump (AR-6485) hãng Arthrex, Inc.	20
2	Lưỡi đốt theo công nghệ cắt đốt bằng sóng Radio trong nội soi khớp vai tương thích với máy đốt điện lưỡng cực sử dụng công nghệ sóng radio hãng Arthrex	Cái	Đầu đốt cong ≤ 90 độ. 13 cm ≤ Chiều dài ≤ 18 cm . Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu. Tương thích với Máy đốt điện lưỡng cực sử dụng công nghệ sóng radio mã AR-9800 hãng Arthrex, Inc.	20
3	Lưỡi bào xương sụn các cỡ trong nội soi khớp vai tương thích với máy bào khớp hãng Arthrex	Cái	Chiều dài ≥ 130 mm. 3.5mm ≤ Đường kính ≤ 5.5mm. Lưỡi bào có dạng răng cưa. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu. Tương thích với Máy bào khớp mã AR - 8305 hãng Arthrex, Inc.	20
4	Vít chỉ neo đóng sụn viền tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	2mm ≤ Đường kính thân neo ≤ 4mm. 10 mm ≤ Chiều dài thân neo ≤ 25 mm. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu âu. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	10

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
5	Vít chỉ neo đôi may chóp xoay tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	1 neo có ≥ 2 sợi chỉ siêu bền. $4.5\text{mm} \leq \text{Đường kính neo} \leq 6.5\text{mm}$. $15\text{mm} \leq \text{Chiều dài neo} \leq 20 \text{ mm}$. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	30
6	Vít neo khớp vai tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	$4.5\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 6\text{mm}$. $11\text{mm} \leq \text{Chiều dài} \leq 21 \text{ mm}$. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	30
7	Troca trong nội soi khớp vai tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	$4.5\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 8.5\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn: CE(Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	5
Phần III	Vật tư tái tạo dây chằng khớp gối			
1	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi khớp gối	Cái	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy. $2.5\text{m} \leq \text{Chiều dài} \leq 5\text{m}$. Có khóa điều chỉnh dòng chảy. Đạt tiêu chuẩn: CE(Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	150
2	Lưỡi đốt theo công nghệ cắt đốt bằng sóng Radio trong nội soi khớp gối	Cái	Đầu đốt cong $\leq 90^\circ$. $13 \text{ cm} \leq \text{Chiều dài} \leq 18 \text{ cm}$. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	150
3	Lưỡi bào xương sụn các cỡ trong nội soi khớp gối	Cái	Chiều dài $\geq 130 \text{ mm}$. $3.5\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 5.5\text{mm}$. Lưỡi bào có dạng răng cưa. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS(Certificate of Free Sale) Châu Âu.	150

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
4	Vít treo mảnh ghép dây chằng có thể điều chỉnh độ ngắn dài	Cái	Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium. Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chỉ siêu bền dùng trong phẫu thuật nội soi khớp. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	180
5	Vít treo mảnh ghép gân các cơ	Cái	Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium. Đường kính neo ≥ 3 mm. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	80
6	Vít chỉ khâu sụn chêm	Cái	Bao gồm tối thiểu: + Vít neo. Có ≥ 2 vít neo. $1\text{ mm} \leq \text{Đường kính neo} \leq 1,5\text{ mm}$ Chiều dài $\geq 5\text{ mm}$. +Chỉ siêu bền. Tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	40
7	Vít dây chằng nội soi tự tiêu các cơ	Cái	$5\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 12\text{mm}$ (tối thiểu 5 cơ). $20\text{ mm} \leq \text{Chiều dài} \leq 35\text{mm}$ (tối thiểu 2 cơ). Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	8
8	Mũi khoan có chức năng khoan ngược	Cái	$2.4\text{mm} \leq \text{Đường kính đầu mũi khoan} \leq 5\text{mm}$. $5\text{mm} \leq \text{Đường kính khoan đường hầm} \leq 13\text{mm}$ (tối thiểu 5 cơ). Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	4
Phần IV	Vật tư tái tạo dây chằng khớp gối tương thích với hệ thống phẫu thuật nội soi khớp hãng Arthrex, Inc			
1	Dây dẫn nước vào ổ khớp trong nội soi khớp gối tương thích với bộ máy bơm và kiểm soát dịch hãng Arthrex	Cái	Dây dẫn nước vào khớp trong nội soi chạy bằng máy. $2.5\text{m} \leq \text{Chiều dài} \leq 5\text{m}$. Có khóa điều chỉnh dòng chảy. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu. Tương thích với Bộ máy bơm và kiểm soát dịch Moden máy chính: Synergy CW 4 Arthroscopy Pump (AR-6485) hãng Arthrex, Inc.	40

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
2	Lưỡi đốt theo công nghệ cắt đốt bằng sóng Radio trong nội soi khớp gối tương thích với máy đốt điện lưỡng cực sử dụng công nghệ sóng radio hãng Arthrex	Cái	Đầu đốt cong $\leq 90^\circ$. $13\text{ cm} \leq \text{Chiều dài} \leq 18\text{ cm}$. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu. Tương thích với Máy đốt điện lưỡng cực sử dụng công nghệ sóng radio mã AR-9800 hãng Arthrex, Inc.	40
3	Lưỡi bào xương sụn các cỡ trong nội soi khớp gối tương thích với máy bào khớp hãng Arthrex	Cái	Chiều dài $\geq 130\text{ mm}$. $3.5\text{ mm} \leq \text{Đường kính} \leq 5.5\text{ mm}$. Lưỡi bào có dạng răng cưa. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu. Tương thích với Máy bào khớp mã AR - 8305 hãng Arthrex, Inc.	40
4	Vít treo mảnh ghép dây chằng có thể điều chỉnh độ ngắn dài tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium. Vòng treo mảnh ghép: Vật liệu bằng chỉ siêu bền dùng trong phẫu thuật nội soi khớp. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	50
5	Vít treo mảnh ghép gân các cỡ tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	Chất liệu: Titanium hoặc hợp kim Titanium. Đường kính neo $\geq 3\text{ mm}$. Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	20
6	Vít chỉ khâu sụn chêm tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	Bao gồm tối thiểu: + Vít neo Có ≥ 2 vít neo $1\text{ mm} \leq \text{Đường kính neo} \leq 1,5\text{ mm}$ Chiều dài $\geq 5\text{ mm}$ +Chỉ siêu bền Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	10

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Cấu hình, tiêu chuẩn kỹ thuật	Số lượng/ khối lượng
7	Vít dây chằng nội soi tự tiêu các cỡ tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	$5\text{mm} \leq \text{Đường kính} \leq 12\text{mm}$ (tối thiểu 5 cỡ). $20\text{ mm} \leq \text{Chiều dài} \leq 35\text{mm}$ (tối thiểu 2 cỡ). Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	2
8	Mũi khoan có chức năng khoan ngược tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex	Cái	$2.4\text{mm} \leq \text{Đường kính đầu mũi khoan} \leq 5\text{mm}$. $5\text{mm} \leq \text{Đường kính khoan đường hầm} \leq 13\text{mm}$ (tối thiểu 5 cỡ). Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu. Tương thích với bộ dụng cụ nội soi khớp hãng Arthrex, Inc.	1
Phần V	Vật tư khác			
1	Chỉ siêu bền	Sợi	Chỉ liên kim. Chất liệu: UHMW - Polyethylene. Chiều dài: $\geq 90\text{cm}$ (35inch). Đạt tiêu chuẩn: CE (Conformite Europeenne) hoặc FDA (Food and Drug Administration) hoặc CFS (Certificate of Free Sale) Châu Âu.	230

Phụ lục 2
BẢNG CUNG CẤP THÔNG TIN VÀ CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thông báo số 1562/TB - BVT ngày 02 tháng 6 năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Tỉnh Quảng Ninh)

Tên nhà thầu: Công ty
Địa chỉ liên hệ:.....
Điện thoại DD.....
Email:

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh

Trên cơ sở yêu cầu báo giá Thông báo số 1562/TB-BVT ngày 02/6/2025 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Ninh, chúng tôi ... [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá cho các trang thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các trang thiết bị y tế và dịch vụ liên quan:

STT (1)	STT Thông báo mời BG (2)	Danh mục thiết bị y tế (3)	Ký, mã, nhãn hiệu, model (4)	Mã VTYT theo QĐ 5086/QĐ- BYT ngày 04/11/2021 hoặc theo TT 04 04/2017/TT- BYT ngày 14/04/2017 (5)	Thông số kỹ thuật (6)	Số đăng ký lưu hành hoặc số giấy phép nhập khẩu (7)	Đạt tiêu chuẩn (8)	Mã HS (9)	Phân loại TTBYT (A,B,C,D) (10)	Năm sx (11)	Hãng/nước chủ sở hữu (12)	Hãng/Nước sản xuất (13)	Quy cách đóng gói (14)	Đơn vị tính (15)	Số lượng (16)	Đơn giá (VND) (17)	Thành tiền (VND) (18)	Kết quả trúng thầu 12 tháng gần nhất (Giá trúng thầu/Số QĐ/ ngày tháng năm/ đơn vị ra QĐ) (19)
1																		
2																		

Ghi chú:

(4) ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(6) ghi cụ thể thông số kỹ thuật của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.

(17) là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (Bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có))

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ... ngày, kể từ ngày 16 tháng 6 năm 2025 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

2. Chúng tôi cam kết:

- Cung cấp đủ trang thiết bị, dụng cụ đi kèm để thực hiện được kỹ thuật cho đến khi sử dụng hết số lượng vật tư.

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo Giá là trung thực.

..., Ngày... tháng ... năm ...

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(ký tên, đóng dấu)

